

# Nâng cao đời sống của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ

NGUYỄN HỮU THỊNH\*

**Mặc dù đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, song, đến nay, đời sống của đồng bào Khmer thuộc các tỉnh Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều khó khăn, do: sản xuất kinh tế còn nhỏ lẻ, phong tục tập quán, công tác xóa đói, giảm nghèo chưa thật bền vững... Hiện trạng này đòi hỏi phải có những giải pháp hiệu quả và đồng bộ để có thể nâng cao đời sống của đồng bào Khmer trong thời gian tới.**

## ĐỜI SỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER VẪN CÒN RẤT KHÓ KHĂN

Thống kê cho thấy, tính đến hết năm 2011, đồng bào Khmer ở vùng Tây Nam Bộ (còn được gọi là vùng Đồng bằng sông Cửu Long) ước khoảng 1,3 triệu người, tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Sóc Trăng (khoảng 400.000 người), Trà Vinh (khoảng 320.000 người) và Kiên Giang (khoảng 204.000 người). Riêng 3 tỉnh này đã chiếm 71,1% số dân Khmer trong toàn Vùng.

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ nâng cao đời sống người dân trong vùng đồng bào Khmer.

Tuy nhiên, đời sống của đồng bào Khmer còn rất nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào Khmer còn cao so với các dân tộc khác sống trong Vùng (tổng số hộ nghèo trên địa bàn Tây Nam Bộ tính đến thời điểm cuối năm 2009, theo Tổng điều tra Dân số của Tổng cục Thống kê, chiếm 8,98% dân số. Trong đó: số hộ người Kinh nghèo trên tổng số hộ người Kinh là 8,1%; số hộ người Hoa nghèo là 0,67%; số hộ người Chăm nghèo là 6,7%; trong khi số hộ người Khmer nghèo là 24,02%).

Điều đáng lo là công tác xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào Khmer tại Tây Nam Bộ chưa thật sự bền vững, đời sống của đồng bào vẫn rất khó khăn. Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, trong giai đoạn 2006-2010, đã giảm được 42.352 hộ Khmer nghèo, từ 103.170 hộ của đầu giai đoạn xuống còn 60.818 hộ vào cuối giai đoạn; trung bình mỗi năm giảm được 3,42%; tỷ lệ hộ nghèo còn lại cuối giai đoạn so với tổng số hộ Khmer là 24,57%. Từ năm 2011, số lượng hộ Khmer giảm nghèo 9.352 hộ, nhưng cũng có số hộ nghèo mới tăng là do các thành viên sinh sống trong hộ nghèo tiếp tục tách, lập thành hộ mới. Trong giai đoạn 2011-2013, trung bình mỗi năm, các địa phương vùng Tây Nam Bộ giảm 3% hộ nghèo dân tộc Khmer. Đến cuối năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào giảm xuống còn khoảng 25%.

Theo đánh giá của Ban Dân tộc tỉnh An Giang, kết quả đạt được từ việc thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc của Tỉnh vẫn chưa bền vững khi nhiều hộ thoát nghèo, nhưng còn ở ngưỡng cận nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Tính đến hết năm 2013, tốc độ giảm nghèo các địa phương không đồng đều, có nơi tỷ lệ giảm nghèo rất thấp, một số xã chỉ giảm 0,1%-0,2%...

Còn ở tỉnh Trà Vinh, tình trạng cũng tương tự khi tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đồng bào Khmer chiếm 36,23%, số hộ tái nghèo còn cao. Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo đã thoát nghèo, nhưng nằm sát chuẩn nghèo khoảng 70%-80% (Anh Đức, 2015).

Nguyên nhân là do:

(i) *Quy mô canh tác rất nhỏ bé, biểu hiện rõ tính chất tiểu nông.* Theo kết quả điều tra xã hội 773 hộ Khmer làm nghề nông tại Tây Nam Bộ năm 2013 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, thì có tới 771 hộ có diện tích đất trồng trọt dưới 2 ha; 71 hộ có diện tích đất trồng trọt từ 2 ha đến dưới 3 ha; 13 hộ có diện tích đất trồng trọt từ 3 ha đến dưới 4 ha; số hộ có diện tích đất trồng trọt từ 5 ha trở lên rất ít (9/773 hộ). Trong số 153 hộ làm nghề chăn nuôi, thì có tới 133 hộ có diện tích dưới 1 ha.

Bên cạnh diện tích đất bình quân thấp, khả năng tích tụ và tập trung vốn của đồng bào dân tộc Khmer còn nhiều hạn chế. Do vậy, các hộ thuộc các dân tộc thiểu số thường xuyên hoạt động trong tình trạng thiếu vốn. Mặc dù hệ thống ngân hàng có cố gắng, nhưng mới

\* ThS., Trường Chính trị Tôn Đức Thắng | Email: thinhkktct@yahoo.com.vn



chỉ đáp ứng một phần nhu cầu vốn của bà con, còn lại họ phải đi vay của tư nhân với lãi suất cao. Hệ quả là nhiều hộ lâm vào cảnh nợ nần chồng chất, phải cầm cố tài sản, sang bán đất đai để trả nợ.

Mặt khác, do quy mô sản xuất nhỏ, nên khả năng đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất của hộ đồng bào Khmer cũng hạn chế. Việc đầu tư thâm canh, tăng vụ, phát triển ngành nghề cũng gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, tích lũy không cao, hạn chế khả năng tái sản xuất mở rộng của các hộ đồng bào Khmer.

(ii) *Tập quán canh tác lạc hậu, trình độ hạn chế*: Sản xuất của các hộ đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ phụ thuộc rất lớn vào thiên nhiên. Những năm mưa thuận, gió hòa, thì được mùa; song, những năm thời tiết không thuận lợi, thì đời sống bà con gặp nhiều khó khăn. Do tập quán canh tác lạc hậu, trình độ hạn chế, cộng với “sức ỳ” của tư tưởng trông chờ, ỷ lại, nên hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận bà con còn mang tính tự phát. Mặc dù sản xuất hàng hóa ở vùng đồng bào Khmer đã có bước phát triển, nhưng vẫn còn một bộ phận bà con chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất khép kín tự cung, tự cấp. Chính vì thế, họ không có nhu cầu áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và họ cũng không có điều kiện để áp dụng.

Một phong tục có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất của đồng bào Khmer đó là người phụ nữ có vai trò đảm đương cuộc sống gia đình, kể cả việc đồng áng. Đàn ông Khmer chỉ chú trọng việc nhà chùa, phum, sóc và chỉ đóng vai trò phụ trong gia đình, họ không mấy quan tâm đến ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng sâu sắc bởi Phật giáo Tiểu thừa, nên trong triết lý sống của người Khmer thường thiên về các giá trị tinh thần hơn vật chất. Người Khmer sẵn sàng đóng góp tiền của, công sức để xây dựng những ngôi chùa khang trang, lộng lẫy, còn họ chấp nhận cuộc sống nghèo túng trong những căn nhà lụp xụp. Họ cũng sẵn sàng vay nợ để tổ chức các lễ hội truyền thống, ma chay, tiệc cưới long trọng, hoặc đóng tiền để con em họ được vào chùa tu... Chính triết lý sống như vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của người Khmer.

Đồng bào Khmer ít chú trọng đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hay cho con em ăn học để nâng cao trình độ văn hóa và học vấn. Đó cũng chính là lý do giải thích tại sao kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer còn chậm được cải thiện so với các cộng đồng khác trong Vùng.

(iii) *Trình độ dân trí thấp*: Hầu hết đồng bào Khmer sử dụng tiếng Việt như là ngôn ngữ thứ hai. Đa phần chủ hộ cũng như các thành viên lớn tuổi thường không biết tiếng Việt, họ giao tiếp với nhau bằng tiếng dân tộc. Đây chính là khó khăn của đồng bào khi hòa nhập vào cộng đồng, cũng như ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển kinh tế gia đình.

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP

*Thứ nhất, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc*. Tiếp tục quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX); Quyết định 74/QĐ-TTg, ngày 09/06/2008 về công tác dân tộc; Quyết định 449/QĐ-TTg, ngày 12/03/2013 về phê duyệt chính sách dân tộc đến năm 2020, đây được xem là vấn đề chiến lược, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách trong tình hình mới.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chính sách chuyển giao khoa học, kỹ thuật, đào tạo nghề, hỗ trợ học sinh con em đồng bào dân tộc, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, điện, nước sinh hoạt, cho vay vốn theo Quyết định 29/2013/QĐ-TTg, ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ... Cùng với quá trình triển khai thực hiện phải quan tâm nhiều hơn công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để các khoản đầu tư, hỗ trợ thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng đối tượng và mang lại hiệu quả thiết thực.

*Thứ hai, xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp với đồng bào Khmer*. Cần có chính sách xây dựng các mô hình kinh tế cho đồng bào các dân tộc thiểu số tương ứng với từng vùng kinh tế, văn hoá... mang tính tổng hợp nhiều năm. Các chính sách này được triển khai thông qua các dự án phát triển kinh tế - xã hội toàn diện đối với tộc người và gắn với quy hoạch phát triển của vùng, địa phương và phải được triển khai qua các kế hoạch mang tính hệ thống với nhiều dự án thành phần và tính bằng hàng chục năm. Đây là mô hình cần thu hút nhiều nhà khoa học trên các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, văn hóa, du lịch, các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư... Các chính sách hiện nay chưa làm được điều này, đã tạo ra sự thiếu đồng bộ trong thực hiện, thời gian ngắn không phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm địa hình vùng miền núi, biên giới..., nên hiệu quả thiếu tính bền vững. Hạt nhân của các dự án này là các nhà khoa học, nhà quản lý và nhà doanh nghiệp, nhà đầu tư bên cạnh việc đầu tư của Nhà nước. Mỗi vùng căn cứ vào thành phần tộc người, đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hoá, mà định ra hệ thống, thứ tự các dự án thành phần và lộ trình thực hiện, thì mới đạt được mục tiêu đề ra.



*Thứ ba, tiếp tục giải quyết tốt vấn đề ruộng đất cho những hộ thiếu đất và không có đất sản xuất.* Đối với những hộ không có đất sản xuất, các địa phương cần xem xét những trường hợp cụ thể để có biện pháp phù hợp cho từng hộ nghèo. Hộ nào có khả năng sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả, thì đầu tư đất cho họ sản xuất và hướng dẫn canh tác; đối với những hộ không có khả năng khai thác bằng nghề nông, nên khuyến khích và tạo điều kiện cho họ có được một nghề mới, bằng cách đầu tư dạy nghề và khôi phục các ngành nghề truyền thống nổi tiếng của mỗi địa phương.

Ở những nơi không còn quỹ đất, chính quyền địa phương tổ chức cho người lao động chuyển đổi ngành nghề bằng cách đào tạo nghề, thu hút lao động vào làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tại địa phương, hoặc cung cấp lao động cho các khu công nghiệp ở các vùng khác. Đối với những đối tượng không có đất sản xuất, các địa phương có thể ưu tiên hỗ trợ vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ hoặc tự tạo việc làm để tăng thu nhập.

*Thứ tư, làm tốt công tác khuyến nông, tạo điều kiện cho bà con tiếp cận và ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất.* Trước hết, nên ưu tiên dành một phần kinh phí thỏa đáng để củng cố, hoàn thiện chương trình khuyến nông dành riêng cho đồng bào Khmer, kể cả việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ và cộng tác viên là người dân tộc.

Tiếp tục phát huy vai trò khuyến nông 4 thành phần trong vùng đồng bào dân tộc (khuyến nông nhà nước, khuyến nông doanh nghiệp, khuyến nông từ báo, đài, các nhà khoa học và khuyến nông nhân dân); trong đó phát huy vai trò khuyến nông doanh nghiệp, khuyến nông nhân dân.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trung tâm khuyến nông tỉnh với các địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống để mở các lớp tập huấn, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với trình độ, phong tục tập quán của bà con dân tộc.

*Thứ năm, nâng cao trình độ dân trí, làm tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm.* Theo đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho đồng bào Khmer về vai trò của tri thức, của giáo dục và

đào tạo đối với sự phát triển kinh tế của mỗi gia đình. Tập trung giải quyết hạn chế bất đồng về ngôn ngữ, bổ sung ngay đội ngũ cán bộ biết tiếng Khmer tham gia thực hiện chương trình tiếng dân tộc.

Chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể trong vùng đồng bào dân tộc quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện tốt những chủ trương, chính sách hỗ trợ của Nhà nước về dạy nghề, giải quyết việc làm đối với đồng bào Khmer. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ tìm việc làm sau học nghề phải được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Cần kết hợp hướng nghiệp và dạy nghề, hướng dẫn lập các dự án nhỏ để người lao động biết cách làm ăn, phát huy ngành nghề đã được đào tạo.

*Thứ sáu, làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo.* Để giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào Khmer cần rà soát lại các chính sách hiện có để hoàn thiện chính sách, hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nội dung trong nhiều chương trình, dự án dẫn tới định mức hỗ trợ trong mỗi dự án thấp, không đáp ứng được nhu cầu thực tế của đồng bào. Các chính sách giảm nghèo phải đồng bộ, nên xây dựng chính sách tổng thể về giảm nghèo cho đồng bào Khmer trên tất cả các nội dung với nguồn kinh phí phù hợp và có tổ chức điều phối để tránh sự phân tán, dàn trải, kém hiệu quả như hiện nay. Chính sách giảm nghèo cũng cần chú ý để phát huy nội lực, giúp đồng bào Khmer thoát nghèo đói, như: nâng cao trình độ dân trí, khả năng ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất..., hạn chế tình trạng trợ cấp trực tiếp như hiện nay.

Thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, chú trọng đổi mới quy trình, thủ tục cho vay nhằm giúp bà con được vay vốn với lãi suất hợp lý để phát triển sản xuất. Áp dụng tín chấp thông qua các tổ chức đoàn thể, nhóm tín dụng, tiết kiệm... □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quốc Lý (2014). *Tổng thể về chính sách đối với phát giáo Nam Tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Đề tài cấp bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
2. Tạp chí Cộng sản (2014). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xóa đói, giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc các tỉnh, thành phía Nam*, Trà Vinh, ngày 07/11/2014
3. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2011). *Báo cáo tổng kết Chỉ thị 68 của Ban Bí thư về phát triển kinh tế - đời sống đồng bào dân tộc Khmer ở Nam Bộ*
4. Anh Đức (2015). *Mỗi năm giảm 3,42% số hộ nghèo Khmer Nam Bộ*, truy cập từ <http://baotintuc.vn/dan-toc/moi-nam-giam-342-so-ho-ngheo-khmer-nam-bo-20150122111022724.htm>